

Bản án số: 181/2024/HNGĐ-ST  
Ngày: 15/11/2024  
Tranh chấp ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT, TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lâm Nguyễn Thanh Huy;

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Đoạt;

Ông Nguyễn Văn Dũng.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Mộng Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:** Thuộc trường hợp Viện Kiểm sát không tham gia phiên tòa.

Ngày 15 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 372/2024/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 178/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2024 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Phạm Thị H (tên gọi khác H1), sinh năm: 1994. Địa chỉ: Tổ A, ấp K, xã B, huyện H, tỉnh Kiên Giang (Có mặt).

**- Bị đơn:** Anh Trần Văn T, sinh năm: 1988. Địa chỉ: Ấp Đ, xã B, huyện H, tỉnh Kiên Giang (Có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Phạm Thị H trình bày như sau:**

**- Về quan hệ hôn nhân:** Vào năm 2009, chị và anh Trần Văn T tự tìm hiểu, yêu thương nhau, sau đó tiến đến hôn nhân được hai bên gia đình tổ chức đám

cưới theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân (UBND) xã B, huyện H, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 07 ngày 06/02/2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị về sinh sống tại ấp Đ, xã B, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

Đến khoảng tháng 7/2024, giữa chị và anh T phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, bất đồng quan điểm sống, anh T cứ đánh chị khi nhậu say, chị đã cho anh T nhiều cơ hội, nhưng anh T vẫn không thay đổi và vợ chồng đã ly thân từ đó cho đến nay. Vì các lý do trên, chị nhận thấy vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, chị muốn chấm dứt cuộc hôn nhân này để mỗi người có cuộc sống mới tốt hơn, nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

- *Về quan hệ con chung*: Quá trình chung sống với nhau, chị và anh T có hai người con chung tên Trần Thị Kim H2, sinh ngày 05/02/2011 và Trần Văn T1, sinh ngày 07/6/2012. Hiện tại con tên H2 đang ở với chị, nên khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con đến tuổi trưởng thành. Còn con tên T1 đang ở với anh T, nên khi ly hôn, chị đồng ý giao con tên T1 cho anh T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con đến tuổi trưởng thành. Không bên nào phải cấp dưỡng con cho bên nào.

- *Về quan hệ tài sản chung*: Chị và anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về nợ chung*: Chị H xác định quá trình chung sống chị và anh T không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

**Bị đơn anh Trần Văn T trình bày tại phiên họp hòa giải như sau:**

Anh thống nhất lời trình bày của chị H về hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung giữa vợ chồng anh chị là đúng. Nhưng đối với mâu thuẫn giữa vợ chồng không lớn. Đối với yêu cầu khởi kiện của chị H, anh có ý kiến như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Anh không đồng ý ly hôn với chị Phạm Thị H.

- *Về quan hệ con chung*: Anh và chị H có hai con chung tên Trần Thị Kim H2, sinh ngày 05/02/2011 và Trần Văn T1, sinh ngày 07/6/2012. Hiện nay con gái tên H2 đang ở cùng với chị H, con trai tên T1 đang ở cùng với anh. Tùy vào nguyện vọng của con, con muốn ở với ai, thì người đó nuôi, bên còn lại không phải cấp dưỡng nuôi con.

- *Về quan hệ tài sản chung*: Anh và chị H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về nợ chung*: Anh T xác định quá trình chung sống anh và chị H không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa:

*Nguyên đơn chị Phạm Thị H trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị yêu cầu ly hôn với anh Trần Văn T;

- Về quan hệ con chung: Chị yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con tên Trần Thị Kim H2, sinh ngày 05/02/2011 đến tuổi trưởng thành. Chị đồng ý giao con tên Trần Văn T1, sinh ngày 07/6/2012 cho anh Trần Văn T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về quan hệ tài sản chung: Chị và anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị và anh T không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

*Bị đơn anh Trần Văn T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh không đồng ý ly hôn với chị Phạm Thị H;

- Về quan hệ con chung: Anh yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con tên Trần Văn T1, sinh ngày 07/6/2012 đến tuổi trưởng thành. Anh đồng ý giao con tên Trần Thị Kim H2, sinh ngày 05/02/2011 cho anh Phạm Thị H được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về quan hệ tài sản chung: Anh và chị H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh và chị H không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định như sau:

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Theo nội dung đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án chị Phạm Thị H xin được ly hôn và nuôi con với anh Trần Văn T. Xét thấy đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn anh Trần Văn T có nơi cư trú tại ấp Đ, xã B, huyện H, tỉnh Kiên Giang, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về nội dung vụ án:*

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Phạm Thị H và anh Trần Văn T tự tìm hiểu, yêu thương nhau, sau đó tiến đến hôn nhân được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn và được UBND xã B, huyện H, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 07 ngày 06/02/2012. Như vậy, hôn nhân giữa chị H và anh T là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu của chị H về việc xin ly hôn với anh T thấy rằng: Trong quá trình chung sống giữa chị H và anh T có phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, mà theo chị H trình bày do anh T cứ đánh chị khi nhậu say, chị đã cho anh T nhiều cơ hội, nhưng anh T vẫn không thay đổi và vợ chồng đã ly thân từ đó cho đến nay. Còn anh T cho rằng mâu thuẫn giữa anh và chị H không lớn, nên anh không đồng ý ly hôn với chị H.

Tuy nhiên, mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung, yêu thương, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau. Nhưng đối với hôn nhân của chị H với anh T, anh chị đã ly thân gần bốn tháng nay, chị H không còn tình cảm, không muốn hàn gắn và không muốn sống chung với anh T, nên mối quan hệ này không đảm bảo theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 về tình nghĩa vợ chồng. Vì vậy, anh chị không thể xây dựng được gia đình hạnh phúc. Đồng thời, anh T cũng xác định trong thời gian chị H và anh T sống ly thân với nhau, thì giữa chị H và anh T không còn quan tâm, chăm sóc nhau nữa, cũng không thực hiện quyền và nghĩa vụ chung của vợ chồng.

Do đó, HĐXX xét thấy mục đích hôn nhân của chị H và anh T không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H và cho chị H được ly hôn với anh T theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] *Về quan hệ con chung:* Quá trình chung sống với nhau, chị H và anh T có hai người con chung tên Trần Thị Kim H2, sinh ngày 05/02/2011 và Trần Văn T1, sinh ngày 07/6/2012. Hiện nay, cháu H2 đang sinh sống với chị H, nên chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Còn cháu T1, từ khi chị H và anh T ly thân, thì cháu T1 sinh sống với anh T, nên chị H đồng ý giao cháu T1 cho anh T được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

HĐXX xét thấy, từ khi chị H và anh T sống ly thân với nhau cho đến nay, thì chị H là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu H2 và cháu H2 có bản tự khai muốn sinh sống cùng với mẹ, còn anh T là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu T1, hiện hai cháu vẫn phát triển bình thường. Vì vậy, để đảm bảo ổn định cuộc sống và nhằm

giúp cháu H2 và cháu T1 phát triển tốt về mọi mặt, nên tiếp tục giữ nguyên người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai cháu đến tuổi trưởng thành là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.3] *Về cấp dưỡng nuôi con:* Do các đương sự không yêu cầu, nên HĐXX không giải quyết.

[3.4] *Về quan hệ tài sản chung:* Chị H và anh T thống nhất anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không giải quyết.

*Về nợ chung:* Chị H và anh T xác định anh chị không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không giải quyết.

[4] *Về án phí:* Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, thì chị Phạm Thị H phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị H được ly hôn với anh Trần Văn T.

2. Về quan hệ con chung:

Giao cháu tên Trần Thị Kim H2, sinh ngày 05/02/2011 tiếp tục cho chị Phạm Thị H được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành.

Giao cháu tên Trần Văn T1, sinh ngày 07/6/2012 tiếp tục cho anh Trần Văn T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Do các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

- Về quyền thăm nom, chăm sóc con chung: Trong thời gian chị Phạm Thị H, anh Trần Văn T nuôi con; chị H và anh T được quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

3. Về quan hệ tài sản chung: Chị Phạm Thị H và anh Trần Văn T thống nhất anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Chị Phạm Thị H và anh Trần Văn T xác định giữa anh chị không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Buộc chị Phạm Thị H phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị H đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009570 ngày 08 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Chị Phạm Thị H không phải nộp thêm.

5. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo theo hạn luật định 15 ngày kể từ ngày tuyên án (15/11/2024); Đương sự vắng mặt tại phiên tòa, thì được quyền kháng cáo Bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật.



**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Hòn Đất;
- THADS huyện Hòn Đất;
- UBND xã Bình Giang,  
Hòn Đất, Kiên Giang;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Lâm Nguyễn Thanh Huy**

6. Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.